

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam

Báo cáo tài chính tóm tắt

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính tóm tắt	1 - 2
Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt	7 - 8

T
H
C
A
S

Số tham chiếu: 12436293/66803706-BCTT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam**

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 03 đến trang 08, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam ("Ngân hàng"). Chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đầy đủ này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 24 tháng 03 năm 2023. Báo cáo tài chính đầy đủ và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tóm tắt theo các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán và phù hợp với các nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt	29.963.766.840	35.696.202.045
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	168.633.013.605	93.162.144.827
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	3.330.615.185.363	3.257.403.696.354
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác	3.330.615.185.363	3.257.403.696.354
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	13.813.238.594	-
Cho vay khách hàng	3.336.151.075.306	1.077.598.649.518
Cho vay khách hàng	3.392.894.152.706	1.096.281.666.202
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(56.743.077.400)	(18.683.016.684)
Chứng khoán đầu tư	246.168.418.369	202.452.874.388
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	246.168.418.369	202.452.874.388
Tài sản cố định	191.600.653.295	183.155.402.212
Tài sản cố định hữu hình	16.785.801.538	22.454.675.955
Nguyên giá tài sản cố định	76.644.497.865	75.062.881.035
Hao mòn tài sản cố định	(59.858.696.327)	(52.608.205.080)
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
Nguyên giá tài sản cố định	-	763.238.218
Hao mòn tài sản cố định	-	(763.238.218)
Tài sản cố định vô hình	174.814.851.757	160.700.726.257
Nguyên giá tài sản cố định	312.806.170.271	259.733.774.007
Hao mòn tài sản cố định	(137.991.318.514)	(99.033.047.750)
Tài sản Có khác	125.638.775.562	129.740.360.403
Các khoản phải thu	10.119.122.019	18.742.202.401
Các khoản lãi, phí phải thu	42.658.148.873	14.737.173.944
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	40.242.690.599	63.255.108.543
Tài sản Có khác	32.618.814.071	33.005.875.515
TỔNG TÀI SẢN	7.442.584.126.934	4.979.209.329.747



Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<i>Cuối năm đồng</i>	<i>Đầu năm đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ		
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	1.403.320.000.000	236.710.000.000
Tiền gửi các tổ chức tài chính, các TCTD khác	1.403.320.000.000	236.710.000.000
Tiền gửi của khách hàng	2.731.334.947.258	1.469.328.425.633
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	29.600.910.219	-
Các khoản nợ khác	91.957.998.032	94.022.286.056
Các khoản lãi, phí phải trả	15.101.053.405	9.434.340.934
Các khoản phải trả và công nợ khác	76.856.944.627	84.587.945.122
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	4.256.213.855.509	1.800.060.711.689
VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.186.370.271.425	3.179.148.618.058
Vốn	3.923.200.000.000	3.698.200.000.000
Vốn điều lệ	3.923.200.000.000	3.698.200.000.000
Các quỹ	212.873.572	212.873.572
Lỗ lũy kế	(737.042.602.147)	(519.264.255.514)
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.186.370.271.425	3.179.148.618.058
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	7.442.584.126.934	4.979.209.329.747

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

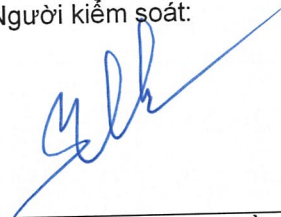
	Cuối năm đồng	Đầu năm đồng
Cam kết giao dịch hối đoái	2.765.893.250.000	-
- Cam kết mua ngoại tệ	1.075.219.450.000	-
- Cam kết bán ngoại tệ	1.690.673.800.000	-
Cam kết cho vay không hủy ngang	-	23.331.777.511
Bảo lãnh khác	-	19.030.092.384
Các cam kết khác	69.002.375.947	-
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	5.901.423.361	3.236.114.688
Nợ khó đòi đã xử lý	53.167.463.918	26.935.468.001

Người lập:



Bà Lê Thị Thu Hương
Chuyên viên tài chính

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bà Hà Ý Nhi
Giám đốc khối Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÓM TẮT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	244.963.176.034	103.173.837.091
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(42.057.057.775)	(36.658.606.181)
Thu nhập lãi thuần	202.906.118.259	66.515.230.910
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	13.359.367.881	12.233.129.141
Chi phí hoạt động dịch vụ	(26.700.527.364)	(14.483.706.831)
Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	(13.341.159.483)	(2.250.577.690)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.902.198.969	12.714.352.571
Thu nhập từ hoạt động khác	3.203.556.823	831.494.052
Chi phí hoạt động khác	(391.192.739)	(1.538.773.543)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	2.812.364.084	(707.279.491)
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	194.279.521.829	76.271.726.300
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(334.795.914.441)	(305.589.638.343)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(140.516.392.612)	(229.317.912.043)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(54.248.654.259)	(5.850.235.239)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(194.765.046.871)	(235.168.147.282)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(881.818)	-
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(23.012.417.944)	25.234.963.418
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.013.299.762)	25.234.963.418
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(217.778.346.633)	(209.933.183.864)

Người lập:

Bà Lê Thị Thu Hương
Chuyên viên tài chính

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Bà Hà Ý Nhi
Giám đốc khối Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	203.228.962.511	99.768.949.764
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(6.789.435.085)	(51.754.365.426)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	(15.775.894.007)	832.626.856
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc và chứng khoán)	1.902.198.969	12.714.352.571
(Chi phí)/Thu nhập khác	874.365.933	(1.424.094.722)
Thu hồi nợ xấu	1.937.998.151	716.815.231
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(226.375.090.658)	(199.376.229.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	(40.996.894.186)	(138.521.944.827)
Những thay đổi về tài sản hoạt động	(2.353.892.418.287)	1.028.991.678.880
Giảm các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	230.000.000.000
Tăng các khoản về kinh doanh đầu tư	(43.715.543.981)	(85.567.029.079)
Giảm các khoản về công cụ tài chính phái sinh	-	917.875.496
(Tăng)/giảm các khoản cho vay khách hàng	(2.296.612.486.504)	907.013.972.098
Sử dụng nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản cho vay khách hàng	(16.188.593.543)	(12.215.063.332)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	2.624.205.741	(11.158.076.303)
Những thay đổi về công nợ hoạt động	2.359.697.073.171	(1.461.102.462.645)
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	1.166.610.000.000	(815.857.407.216)
Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	1.262.006.521.625	(598.011.562.047)
Giảm các khoản nợ khác	(68.919.448.454)	(47.233.493.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(35.192.239.302)	(570.632.728.592)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(46.857.838.116)	(44.676.846.600)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	36.368.770
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(46.857.838.116)	(44.640.477.830)

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

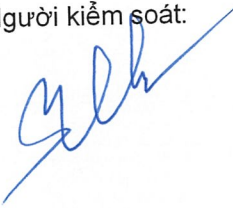
	Năm nay đồng	Năm trước đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn điều lệ	225.000.000.000	231.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	225.000.000.000	231.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	142.949.922.582	(384.273.206.422)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	3.386.262.043.226	3.770.535.249.648
Điều chỉnh ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	3.529.211.965.808	3.386.262.043.226

Người lập:



Bà Lê Thị Thu Hương
Chuyên viên tài chính

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bà Hà Ý Nhi
Giám đốc khối Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2023